

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Ý YÊN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 5 - 2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trương Thị Dung, bà Trịnh Thị Hồng Thắm.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

***Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2021/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn N, xã YT, huyện N, tỉnh N.

*Bị đơn:* Ông Phan Phi H, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn N, xã YT, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bà T, ông H (bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông H vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Bà và ông Phan Phi H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định ngày 21/11/1991. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bà và ông H thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm dẫn đến đời sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Nay bà xác định tình cảm giữa

bà và ông H không còn nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Phi H.

Về con chung: Bà và ông H có ba con chung là Phan Thanh S, sinh ngày 03/7/1992; Phan Thị KA, sinh ngày 17/12/1997 và Phan Thị M, sinh ngày 17/11/2007. Cháu S và cháu KA hiện đã trưởng thành, tự lập nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập ông H đến làm việc nhưng ông H vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/3/2021 thể hiện:

Về phía gia đình chị Phan Thị KA là con gái của ông Phan Phi H cho biết: Hiện nay chị đang ở trực tiếp cùng bố mẹ là ông Phan Phi H và bà Đỗ Thị T, mặc dù chị đã đi lấy chồng nhưng do sợ mâu thuẫn giữa bố mẹ căng thẳng nên chị xin gia đình nhà chồng được ở lại nhà bố mẹ đẻ, chị ở từ năm 2017 cho đến nay. Khi bà T có đơn ly hôn ông H, chị thấy ông H có nhận được các giấy tờ thông báo thụ lý của Tòa án, giấy triệu tập cũng như các giấy tờ liên quan đến lịch làm việc tuy nhiên ông H không có mặt theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án, của UBND xã YT để giải quyết việc liên quan đến đơn ly hôn của bà T.

Về phía địa phương xã YT cho biết: Ông Phan Phi H và bà Đỗ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 21/11/1991. Quá trình chung sống giữa ông H, bà T có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ do địa phương không nhận được đơn yêu cầu UBND xã giải quyết mâu thuẫn. Về con chung giữa ông H, bà T có 03 người con chung là Phan Thanh S, sinh ngày 03/7/1992; Phan Thị KA, sinh ngày 17/12/1997 và Phan Thị M, sinh ngày 17/11/2007. Hiện nay cháu S, cháu KA đã trưởng thành, tự lập được. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề có liên quan trong quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T cụ thể như nào thì địa phương không nắm rõ.

Địa phương khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án để triệu tập ông H làm việc liên quan việc bà T có đơn xin ly hôn ông H, địa phương đã giao cho ông H, ông H đã biết được bà T đang làm đơn ly hôn, đã được Tòa án và địa phương thông báo lịch làm việc để lấy quan điểm của ông H, tuy nhiên ông H không hợp tác, không đến Tòa cũng như không

đến trụ sở UBND xã YT để làm việc. Khi được giao các văn bản tố tụng ông H có trả lời rằng không biết chữ, không ký được vào biên bản tổng đạt, ông cũng không điểm chỉ, không nhận bất kỳ văn bản, giấy tờ gì của Tòa án cũng như của UBND xã YT. Việc ly hôn giữa bà T và ông H, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Cháu Phan Thị M, sinh ngày 17/11/2007 là con của ông Phan Phi H và bà Đỗ Thị T trình bày không muốn bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở cùng cả bố và mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, bà T có mặt, ông H vắng mặt. Bà T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Bà T xin giải quyết vắng mặt. Ông H mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của bà T đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị T.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Phan Thị M, sinh ngày 17/11/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải bầu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Về thẩm quyền của Toà án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn bà Đỗ Thị T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông Phan Phi H có nơi cư trú tại thôn N, xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T có đề nghị xin xét xử vắng mặt, ông H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### *[2] Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị T và ông Phan Phi H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/11/1991 tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa ông bà không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc, luôn căng thẳng. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn với ông H. Về phía ông H, mặc dù ông biết việc bà T xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho ông bà nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt. Điều đó chứng tỏ ông không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với bà T nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho ông bà nhưng ông H vẫn vắng mặt. Bà T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn ông H nên Toà án không thể gắn kết hạnh phúc cho ông bà được. Xét thấy, ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng,

đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của bà T, xử cho ông bà ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T và ông H xác định ông, bà có ba con chung là Phan Thanh S, sinh ngày 03/7/1992; Phan Thị KA, sinh ngày 17/12/1997 và Phan Thị M, sinh ngày 17/11/2007. Hiện nay cháu S và cháu KA đã trưởng thành, tự lập được. Xét thấy, cháu M là con gái, hiện đang trong giai đoạn phát triển tâm sinh lý cần sự chia sẻ, chăm sóc từ người mẹ hơn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Chấp nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà T, ông H không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Đỗ Thị T và ông Phan Phi H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Thị M, sinh ngày 17/11/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Bà Đỗ Thị T phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001665, ngày 29/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Bà Đỗ Thị T và ông Phan Phi H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã YT: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Vũ Văn Anh**